

CÁC BỘ**BỘ LAO ĐỘNG**

THÔNG TƯ số 32-LĐ/TL ngày 26-12-1958
về việc trả lương ngày cho công nhân
viên chức thuộc khu vực sản xuất.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: Các ông Chủ tịch Ủy ban Hành
chính Khu Tự trị Thái — Mèo và
Việt bắc, Khu Hồng Quảng, các
thành phố Hà nội, Hải phòng và
các tỉnh.

Các ông Giám đốc Khu, Sở và
Trưởng Ty Lao động.

Đồng kính gửi: Các Bộ.

Tổng Liên đoàn.

Văn phòng Thủ tướng phủ.

Điều 13 nghị định 182-TTg ngày 7-4-1958 của
Thủ tướng Chính phủ quy định: « Công nhân sản
xuất ở khu vực sản xuất được hưởng lương trả
theo lương ngày... » nhằm thực hiện một hình
thức tiền lương thích hợp với chế độ hạch toán
của các xí nghiệp. Trong hoàn cảnh các xí nghiệp
chưa thực hiện được chế độ tiền lương theo sản
phẩm thì « hình thức trả lương ngày tiến bộ hơn
lương tháng » (Thông tư số 197-TTg ngày 17-4-1958
của Thủ tướng phủ).

Vì vậy Bộ Lao động ra thông tư này để
hướng dẫn và giải thích cách áp dụng trả lương
ngày như sau:

I. — Phương pháp tính lương ngày

Lấy lương cấp bậc một tháng chia cho 25 ngày
rưỡi. Nơi nào có phụ cấp khu vực thì được cộng
thêm định suất phụ cấp khu vực nữa.

Ví dụ:

1. Anh A, công nhân tiện xếp bậc 2 thang
lương cơ khi 8 bậc. Lương tháng theo cấp bậc là
40.000đ. Anh A làm việc nơi không có phụ cấp
khu vực, lương ngày của anh là:

$$\frac{40.000đ}{25,5} = 1.568đ$$

2. Cũng anh A trên đây, nếu làm việc nơi có
phụ cấp khu vực 12% thì lương ngày của anh là:

$$\frac{40.000đ + (40.000đ \times 12\%)}{25,5} = 1.756đ$$

**II. — Đối tượng thi hành trả lương ngày và
quyền lợi những người hưởng lương ngày**

1. Những công nhân, viên chức được tính trả
lương ngày:

a) Những công nhân, viên chức làm việc có
giờ tiêu chuẩn cố định hàng ngày trong các xí

niệm công nghiệp, các công trình kiến thiết cơ
bản, nông trường, lâm trường, các cửa hàng Mậu
dịch quốc doanh v.v...

Giờ tiêu chuẩn làm việc trong xí nghiệp công
nghiệp hiện nay là 8 giờ một ngày. Riêng các ngành
khai thác mỏ, lâm trường, nông trường, các công
trình kiến thiết cơ bản, cửa hàng Mậu dịch v.v...
tùy theo đặc điểm về sản xuất và điều kiện lao
động các ngành sở quan sẽ hướng dẫn cụ thể áp
dụng về thời gian làm việc cho thích hợp (có thể
ngắn hơn hoặc dài hơn 8 giờ một ngày theo thể lệ
hiện hành).

b) Những công nhân, viên chức ngoài biên
chế Nhà nước làm việc thường xuyên hoặc tạm
thời, theo vụ, theo mùa, đều trả lương ngày.

**2. Những công nhân, viên chức chưa thực
hiện trả lương ngày:**

Những công nhân, viên chức làm việc không
nhất thiết chỉ trong số giờ tiêu chuẩn nhất định
hàng ngày, mà khi cần thiết phải có mặt để làm
việc, thì chưa trả lương ngày mà vẫn trả lương
tháng.

Ví dụ: Công nhân lái xe ô-tô, tàu hỏa, công
nhân viên chức làm việc trên các tàu thủy, công
nhân viên chức thường đi công tác lưu động,
luôn, ban Quản đốc xí nghiệp, Ban chỉ huy công
trường v.v...

Các Bộ, các ngành, các Ủy ban Hành chính
địa phương căn cứ tính chất sản xuất và công tác
của từng loại công nhân viên chức trong các đơn
vị thuộc mình quản lý để quy định cụ thể những
người nào, loại công việc nào được trả lương
ngày hoặc trả lương tháng mà áp dụng cho sát.

**III. — Quyền lợi của những người hưởng lương
ngày và hưởng lương tháng**

— Những người ở trong biên chế Nhà nước
hưởng lương ngày cũng như những người hưởng
lương tháng đều được hưởng các quyền lợi về chế
độ xã hội và phúc lợi như nhau.

— Trường hợp ngừng việc, không sản xuất
thì tiền lương của người lương ngày và lương
tháng đều áp dụng như nhau chứ không phân biệt
(trừ những người thuê mướn tạm thời ít ngày,
không thường xuyên liên tục, có việc thì làm,
không có việc thì nghỉ).

— Những ngày có sản xuất, có công tác,
những ngày nghỉ lễ và nghỉ phép do Chính phủ
quy định v.v... được trả đủ lương ngày. Ngày chủ
nhật nghỉ không có lương vì đã tính trả vào ngày
làm việc rồi.

— Những người hưởng lương ngày nói chung nếu có làm thêm giờ được hưởng phụ cấp làm thêm giờ.

Trong khi thi hành, các Bộ, các ngành, các Ủy ban Hành chính địa phương cần có kế hoạch lãnh đạo chặt chẽ hướng dẫn học tập chu đáo và quy định rõ những công việc, những người được trả lương ngày và trả lương tháng để cơ sở thực hiện cho thống nhất.

Thông tư này thi hành trong tất cả đơn vị thuộc khu vực sản xuất từ ngày 1-1-1959. Các điểm quy định thuộc các văn bản trước đây trái với phương pháp tính lương ngày của thông tư này đều phải sửa lại và thi hành đúng thông tư này. Trong lúc tính lại lương ngày, nếu có chênh lệch về tiền lương so với cách tính trước không đặt vấn đề truy lĩnh hoặc truy hoàn những ngày trước 1-1-1959.

Hà nội, ngày 26 tháng 12 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Lao động

NGUYỄN VĂN TẠO

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 81-NV/DC ngày 13-12-1958 hướng dẫn thi hành nghị định số 523-TTg ngày 6-12-1958 của Thủ tướng phủ về trợ cấp dài hạn cho quân nhân tình nguyện đã phục viên bị bệnh kinh niên tái phát ốm, yếu không còn khả năng lao động.

Kính gửi: Ủy ban Hành chính các khu, thành phố, tỉnh và khu vực Vĩnh-linh.

Đề thi hành nghị định số 523-TTg ngày 6 tháng 12 năm 1958 của Thủ tướng phủ về việc trợ cấp dài hạn cho quân nhân tình nguyện đã phục viên bị bệnh kinh niên tái phát ốm, yếu không còn khả năng lao động, Bộ nêu một số điểm để các địa phương căn cứ vào đó mà tiến hành.

I. — Mục đích ý nghĩa việc trợ cấp.

Việc trợ cấp cho quân nhân phục viên là biểu hiện sự quan tâm săn sóc của Đảng và Chính phủ đối với anh chị em, những người đã góp phần to lớn trong sự nghiệp giải phóng đất nước. Nó thiết thực giúp đỡ cho quân nhân phục viên ở nhà kết hợp với hoàn cảnh gia đình có điều kiện chữa bệnh và giảm bớt khó khăn cho gia đình hoặc tăng

một phần sinh hoạt để giải quyết căn bản hoặc giải quyết dần dần tình trạng bệnh tật để có thể tiếp tục lao động sản xuất.

Trợ cấp cho quân nhân phục viên là một công tác chính trị: nó ổn định một phần tư tưởng cho bản thân anh em và cho cả gia đình; nó có ảnh hưởng rất tốt trong việc xây dựng lực lượng hậu bị, củng cố quốc phòng.

Trợ cấp cho quân nhân phục viên cũng là một công tác xã hội trong việc thanh toán dần vết tích chiến tranh còn sót lại.

II. — Yêu cầu khi xét trợ cấp.

1) Cần quan niệm rõ vấn đề trợ cấp là một sự cố gắng của Đảng và Chính phủ trong lúc kinh tế nước nhà còn đang gặp nhiều khó khăn. Nó chỉ mới giải quyết được một mức nào cho quân nhân phục viên chứ chưa phải giải quyết thích đáng được mức nhu cầu nói chung. Vì vậy khi xét trợ cấp cần phải tránh tình trạng thành kiến với anh em mà làm qua loa, đại khái để khỏi hao tổn công quỹ hoặc làm tràn lan để ban ơn, xoa dịu, thỏa mãn anh em. Trường hợp đáng trợ cấp thì trợ cấp; trường hợp không đáng trợ cấp thì cương quyết không trợ cấp, nhưng phải kiên trì giải thích để cho quân nhân phục viên khỏi thắc mắc.

2) Khi khám xét trợ cấp, Hội đồng giám định y khoa cần phải đông đủ để trao đổi, bàn bạc tập thể chu đáo, hội chuẩn phân loại cho đúng; nhưng muốn cho được hợp lý, đảm bảo đúng mức quyền lợi cho quân nhân phục viên, điều căn bản là phải xét bệnh kinh niên tái phát ốm, yếu, không còn khả năng lao động và triển vọng tương lai của sức khỏe mà đề nghị trợ cấp.

3) Bệnh kinh niên là những bệnh lâu năm đã điều trị tại bệnh viện hay khu an điều dưỡng mà chưa khỏi hẳn nên khi thời tiết thay đổi hay sinh hoạt sút kém bị tái phát. Do đó làm cho con người ốm, yếu, suy nhược toàn thân, mất hẳn hoặc một phần lớn sức khỏe lao động sản xuất. Cũng có người vì bị bệnh thần kinh rối loạn mà không thể lao động được. Cũng có người bị bệnh kinh niên nhẹ nhưng vì bị trực tiếp ảnh hưởng chiến tranh lại thêm tuổi nhiều nên cũng mất hoàn toàn hoặc một phần lớn sức khỏe để lao động.

4) Hội đồng giám định y khoa phải quan hệ chặt chẽ với Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh và khu vực. Hội đồng giám định y khoa có quyền khám xét, chứng nhận và đề nghị cho quân nhân phục viên được hưởng trợ cấp mất sức lao động dài hạn sau khi có ý kiến nhận xét sơ bộ về khả năng lao động của Ủy ban Hành chính xã hay khu phố, Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh, khu vực căn cứ vào tình hình thực tế mà quyết định sau khi có ý kiến của Hội đồng giám định y khoa.